

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2017/HNGĐ-ST

Ngày 09 - 8 - 2017

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm: Bà Trần Thị Cúc

Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 09/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 427/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2017 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 544/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2017 giữa các đương sự.

1/ Nguyên đơn: Chị **Lê Thị C** – sinh năm 1980 (có mặt)

Trú tại: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau

2/ Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng N** - sinh năm 1979 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị X** – sinh năm: 1969; Trú tại: Khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Chị Lê Thị C trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và Nguyễn Hoàng N kết hôn với nhau năm 2003, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc nguyên nhân do mâu thuẫn trong công việc làm ăn, tiền bạc, anh N không thương yêu, không quan tâm chăm sóc vợ con. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 người tên Nguyễn Lê H (nữ) – sinh năm 2004 và Nguyễn Hữu N1 (nam) - sinh ngày 05/02/2009. Hiện các con đang sống với chị C, chị C yêu cầu được nuôi dạy hai con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Chị C xác định vào tháng 3 năm 2017 vợ chồng chị có mua tôm do bà X bán, còn nợ lại bà X 15.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay chị đồng ý liên đới cùng anh N trả nợ cho bà X.

* Tại bản tự khai ngày 18/7/2017 anh Nguyễn Hoàng N trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị C là đúng, chị C yêu cầu ly hôn với anh nên anh đồng ý. Anh đồng ý giao hai con tên Nguyễn Lê H (nữ) – sinh năm 2004 và Nguyễn Hữu N1 (nam) - sinh ngày 05/02/2009 cho chị C nuôi dạy, anh N

không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có. Nợ chung: Vợ chồng anh có nợ bà X tiền mua tôm 15.000.000 đồng đến nay chưa trả, nay anh đồng ý liên đới cùng chị C trả nợ cho bà X.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày: Ngày 29/3/2017 bà có bán tôm cho vợ chồng anh N chị C, vợ chồng anh N chị C còn nợ lại bà số tiền 15.000.000 đồng đến nay chưa trả, nay bà yêu cầu vợ chồng anh N chị C liên đới trả cho bà 15.000.000 đồng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh N tự nguyện chung sống với nhau năm 2003 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Việc chị C với anh N chung sống với nhau từ năm 2003 mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, nên quan hệ giữa chị C với anh N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Lê H (nữ) – sinh năm 2004 và Nguyễn Hữu N1 (nam) - sinh ngày 05/02/2009. Hiện các con đang sống với chị C, chị C yêu cầu được nuôi dạy hai con, anh N đồng ý. Xét thấy: Cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dạy con chưa thành niên sau khi ly hôn, tuy nhiên theo biên bản ghi ý kiến hai con thì các con có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị C, mặc khác anh N cũng đồng ý giao hai con cho chị C nuôi dạy nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, giao hai con tên Nguyễn Lê H (nữ) – sinh năm 2004 và Nguyễn Hữu N1 (nam) - sinh ngày 05/02/2009 cho chị C tiếp tục nuôi dạy.

Do chị C không đặt ra yêu cầu buộc anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy anh N không trực tiếp nuôi dạy các con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị C và anh N trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị C, anh N và bà X cùng xác định ngày 29/3/2017 vợ chồng chị C anh N có mua tôm của bà X và nợ lại bà X số tiền 15.000.000 đồng đến nay chưa trả. Do chị C với anh N nợ bà X 15.000.000 đồng chưa trả vì vậy bà X yêu cầu chị C với anh N có nghĩa vụ liên đới trả bà X 15.000.000 đồng là có cơ sở được chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân gia đình chị C phải nộp theo quy định. Án phí dân sự sơ thẩm chị C và anh N phải chịu theo quy định. Bà X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về thủ tục tố tụng: Anh N có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với anh N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hoàng N.

Áp dụng các Điều 9, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 430, 440 và Điều 357 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Lê Thị C với anh Nguyễn Hoàng N là vợ chồng.

Về con chung: Giao hai con tên Nguyễn Lê H (nữ) – sinh năm 2004 và Nguyễn Hữu N1 (nam) - sinh ngày 05/02/2009 cho chị C tiếp tục nuôi dạy. Anh N không cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Buộc chị Lê Thị C với anh Nguyễn Hoàng N có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị X 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị X có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Lê Thị C với anh Nguyễn Hoàng N không thanh toán xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 05/6/2017 chị C đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C theo biên lai thu tiền số 3215 nên được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị C với anh Nguyễn Hoàng N phải chịu 750.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 30/6/2017 bà X có dự nộp 375.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C theo biên lai thu tiền số 3341 nên được nhận lại.

Aùn xử sơ thẩm, chị C và bà X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tp.C;
- Chi cục THADS tp.C;
- Các đương sự;
- HSVA;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Việt Trung